

# MỤC LỤC

## LỜI CAM ĐOAN

LỜI MỞ ĐẦU ..... 1

## CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BÁN HÀNG TRONG DOANH NGHIỆP ..... 3

1.1 Khái quát nghiệp vụ bán hàng trong doanh nghiệp ..... 3

1.2 Tổ chức công tác kế toán bán hàng trong doanh nghiệp..... 6

1.2.1 Nhiệm vụ của kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng ..... 6

1.2.2 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ..... 7

1.2.3 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu..... 8

1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán..... 10

1.3 Tổ chức kế toán xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp..... 14

1.3.1 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh ..... 14

1.3.2 Kế toán xác định kết quả bán hàng ..... 16

1.4 Các hình thức ghi sổ kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp ..... 18

## CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BÁN HÀNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VIỆT ÚC ..... 19

2.1 Giới thiệu về công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc ..... 19

2.1.1 Khái quát chung ..... 19

2.1.2 Lịch sử hình thành và phát triển công ty..... 19

2.1.3 Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh ..... 20

2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc. .... 23

2.1.5 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc. .... 24

2.1.6 Hình thức hạch toán kế toán..... 25

2.1.7 Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty ..... 26

2.2 Thực trạng công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc .....	27
2.2.1 Thực trạng công tác kế toán bán hàng .....	27
2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	27
2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	32
2.2.2 Thực trạng công tác xác định kết quả bán hàng.....	37
2.2.2.1 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	37
2.2.2.2 Kế toán xác định kết quả bán hàng .....	41
<b>CHƯƠNG 3: CÁC BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BÁN HÀNG NHẪM XÁC ĐỊNH CHÍNH XÁC KẾT QUẢ BÁN HÀNG CHO TỪNG HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VIỆT ÚC.....</b>	<b>46</b>
3.1 Nhận xét chung về công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc.....	46
3.2 Biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng nhằm xác định chính xác kết quả của từng hoạt động tại Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc .....	47
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>53</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>55</b>

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan số liệu và kết quả nghiên cứu trong đề tài là trung thực, các kết quả nghiên cứu do chính chủ nhiệm đề tài và những người tham gia thực hiện, các tài liệu tham khảo đã được trích dẫn đầy đủ.

Chủ nhiệm đề tài  
(ký và ghi rõ họ và tên)

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Sự cần thiết nghiên cứu đề tài.

Trong quá trình tổ chức tiêu thụ sản phẩm bên cạnh các phương thức xúc tiến thương mại để đẩy nhanh tốc độ tiêu thụ với mục đích cuối cùng là tối đa hóa lợi nhuận, các doanh nghiệp phải nắm bắt thông tin, số liệu cần thiết và chính xác từ bộ phận kế toán giúp cho nhà quản trị có cái nhìn chính xác nhất về tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó đưa ra các quyết định quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, có thể công khai tài chính thu hút các nhà đầu tư.

Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc là một doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ, kể từ khi thành lập cho đến nay, công ty đang từng bước khẳng định mình trên thương trường và không ngừng đẩy mạnh công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng. Bởi vậy, việc cải tiến và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng trong các doanh nghiệp luôn đặt ra với mục đích nhằm tổ chức khoa học, hợp lý, làm cơ sở cho các thông tin kế toán cung cấp đảm bảo tính đúng đắn và đáng tin cậy.

Xuất phát từ tầm quan trọng trên, đề tài ***“Tổ chức hạch toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng nhằm xác định chính xác kết quả cho từng hoạt động tại công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc.”*** là đề tài hết sức thiết thực.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài khảo sát, phân tích công tác hạch toán kế toán kết quả bán hàng tại công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc kết nhằm đề xuất các biện pháp để xác định chính xác kết quả cho từng hoạt động của doanh nghiệp.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc, số liệu và thực tế công tác hạch toán tại công ty năm 2012.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu:**

- Phương pháp tổng hợp được sử dụng để tổng hợp các kiến thức, thông tin, số liệu phục vụ đề tài

- Phương pháp phân tích được sử dụng để thực hiện việc phân tích số liệu thu thập được nhằm rút ra được các kết luận phục vụ mục tiêu của đề tài.

- Phương pháp chuyên gia: tham khảo, hỏi ý kiến các chuyên gia về vấn đề cần tìm hiểu của đề tài, về các kết quả của đề tài.

#### **5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

Đề tài có ý nghĩa khoa học trong việc hệ thống và làm rõ các vấn đề lý luận về tổ chức công tác hạch toán kết quả bán hàng tại doanh nghiệp, việc tổ chức hạch toán kết quả bán hàng tại công ty cổ phần tư vấn Việt Úc năm 2012. Trên cơ sở đó xây dựng các biện pháp hoàn thiện công tác hạch toán tại đơn vị để phục vụ ngày càng tốt hơn yêu cầu của công tác quản lý doanh nghiệp góp phần đẩy mạnh việc hoàn thiện hoạt động bán hàng, giúp các nhà quản trị doanh nghiệp có được các thông tin chính xác, chi tiết hơn để làm cơ sở cho các quyết định quản lý doanh nghiệp.

#### **6. Bố cục của đề tài:**

Ngoài phần mở đầu và kết luận đề tài được chia làm 3 chương, cụ thể:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp.

Chương 2: Phân tích thực trạng tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Chương 3: Các biện pháp hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng nhằm xác định chính xác kết quả của từng hoạt động tại Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc.

# CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BÁN HÀNG TRONG DOANH NGHIỆP

## 1.1 Khái quát nghiệp vụ bán hàng trong doanh nghiệp

Bán hàng là việc chuyển quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ gắn với phần lớn lợi ích hoặc rủi ro cho khách hàng, đồng thời được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

Bản chất của quá trình bán hàng là quá trình trao đổi quyền sở hữu giữa người mua và người bán trên thị trường hoạt động

Bán hàng là khâu cuối cùng trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thương mại

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu sau:

+ Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

+ Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động....

- Doanh thu bán hàng của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh nghiệp được xác định là tương đối chắc chắn

+ Doanh nghiệp đã thu hoặc thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**- Các khoản giảm trừ doanh thu:**

+ Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua hàng).

+ Hàng bán bị trả lại: Là giá trị của sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

+ Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ của doanh nghiệp cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là loại thuế đánh trên hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt tại một khâu duy nhất là khâu sản xuất hoặc nhập khẩu, đây là thuế gián thu được cấu thành trong giá bán sản phẩm.

+ Thuế xuất khẩu: Là một loại thuế gián thu, phải nộp khi xuất khẩu loại hàng hóa phải chịu thuế xuất khẩu.

+ Thuế giá trị gia tăng: Là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

- **Giá vốn hàng bán:** Là trị giá thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ) hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ [1]

Giá vốn hàng bán được tính theo 1 trong 4 phương pháp sau:

➤ Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này kế toán giả định hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng làm giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

➤ Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)

Theo phương pháp này kế toán giả định hàng nhập sau cùng sẽ xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ.

➤ Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

➤ Phương pháp bình quân gia quyền

- Bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá BQ cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá TT tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TT nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

- Bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập } i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập } i}$$

- **Chi phí quản lý kinh doanh:** bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Chi phí bán hàng: phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành



sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp: phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...)[2]

## **1.2 Tổ chức công tác kế toán bán hàng trong doanh nghiệp**

### ***1.2.1 Nhiệm vụ của kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng***

Kế toán bán hàng đã giúp cho các doanh nghiệp cũng như cơ quan nhà nước đánh giá được mức độ hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch về giá vốn hàng bán, chi phí bỏ ra và lợi nhuận thu được, từ đó tìm ra và khắc phục được những thiếu sót, hạn chế trong công tác quản lý. Việc tổ chức sắp xếp hợp lý giữa các khâu trong quá trình bán hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng, đồng thời tạo nên sự thống nhất trong hệ thống kế toán của doanh nghiệp. Để phát huy vai trò của mình, kế toán bán hàng cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và giám sát kịp thời, chi tiết khối lượng hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra, tồn kho cả về số lượng, chất lượng và giá trị. Tính toán đúng đắn giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp, chi phí bán hàng, chi phí quản lý kinh doanh nhằm xác định chính xác kết quả bán hàng.

- Giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch bán hàng, doanh thu bán hàng, tình hình nộp thuế với nhà nước.

- Đôn đốc, kiểm tra việc đảm bảo thu đủ, thu đúng, kịp thời tiền bán hàng, tránh bị chiếm dụng vốn bất hợp lý.

- Cung cấp thông tin chính xác, trung thực, lập quyết toán đầy đủ, kịp thời để đánh giá đúng hiệu quả kinh doanh cũng như tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước.

### **1.2.2 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

#### **❖ Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ), hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu, giấy báo Có của Ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác

#### **❖ Tài khoản sử dụng**

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

*TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa*

*TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm*

*TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ*

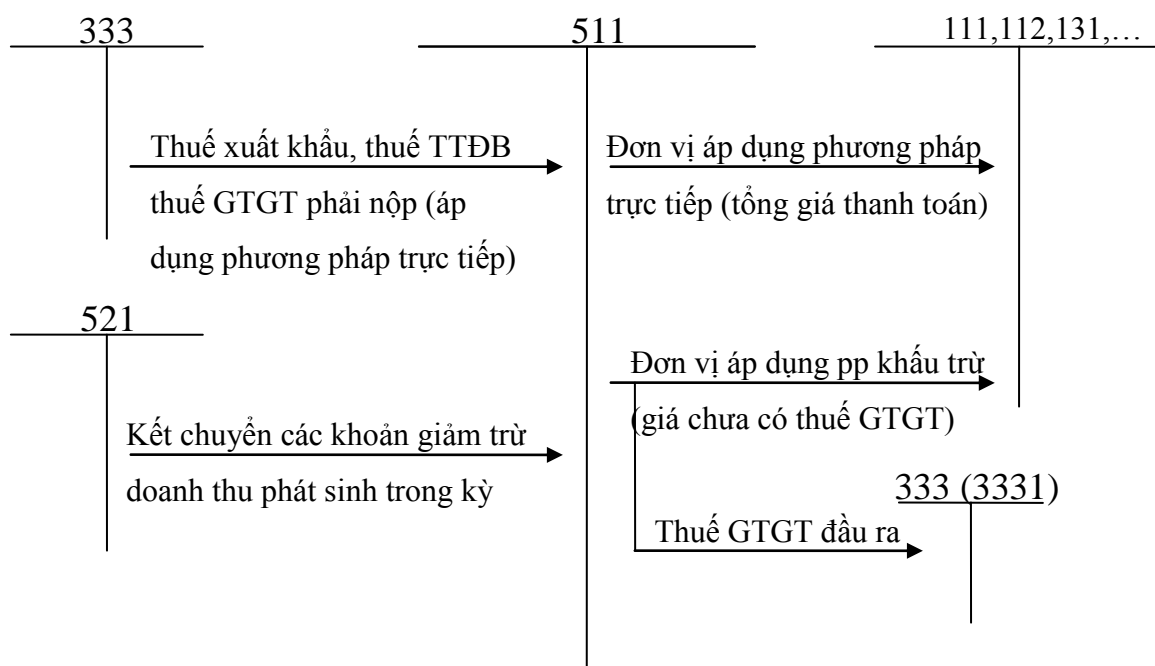
*TK 5118: Doanh thu khác*

#### **❖ Kết cấu và nội dung phản ánh**

#### **TK 511**

<p>- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu, thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.</p> <p>- Trị giá hàng bán bị trả lại và các khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.</p> <p>- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911</p> <p>Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ</p>	<p>- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.</p>
---	---

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

**1.2.3 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng

TK 521: Các khoản giảm trừ doanh thu [2]

*TK 5211: Chiết khấu thương mại*

*TK 5212: Hàng bán bị trả lại*

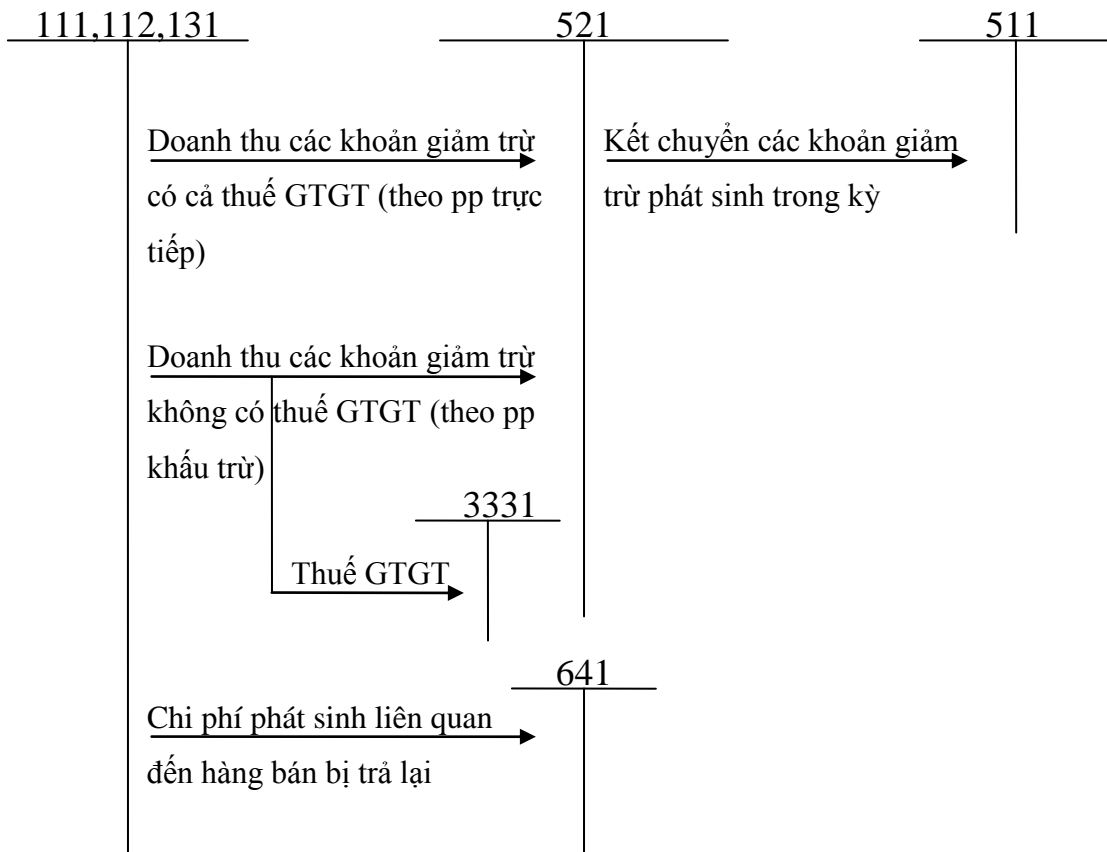
*TK 5213: Giảm giá hàng bán*

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh

TK 521

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.</li> <li>- Trị giá hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra.</li> <li>- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng.</li> </ul> <p>Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 511</li> </ul>
---	---

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

### 1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán

#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn bán hàng

#### ❖ Tài khoản sử dụng

TK 632: Giá vốn hàng bán

#### ❖ Kết cấu và nội dung phản ánh

- Trường hợp 1: Doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### TK 632

<ul style="list-style-type: none"><li>- Trị giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ</li><li>- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ</li><li>- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho</li><li>- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho</li><li>- Số khấu hao BĐS đầu tư</li><li>- Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá</li><li>- Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư</li><li>- Giá trị còn lại của BĐS đầu tư</li></ul> <p>Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ</p>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911</li><li>- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ</li><li>- Phản ánh các khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính</li><li>- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho</li></ul>
---	---

- Trường hợp 2: Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

TK 632

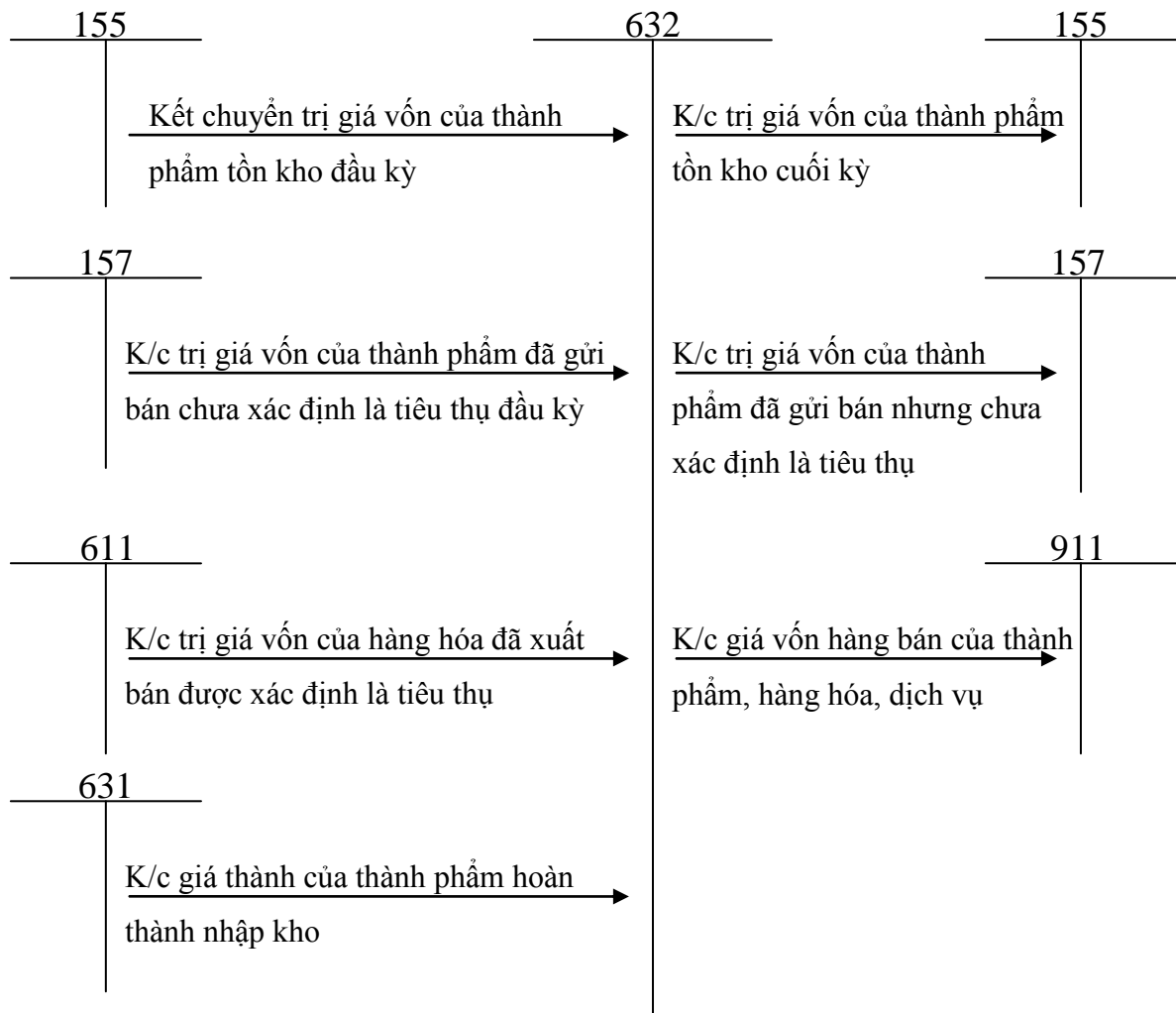
- Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã xuất bán trong kỳ	- K/c giá vốn hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành	- K/c giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155
	- K/c giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ TK 911

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp hạch toán: Hạch toán giá vốn hàng bán được thực hiện theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.3.a: Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.3.b: Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ



## 1.3 Tổ chức kế toán xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp

### 1.3.1 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu , công cụ dụng cụ
- Các chứng từ gốc có liên quan

#### ❖ Tài khoản sử dụng

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

*TK 6421: Chi phí bán hàng*

*TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp*

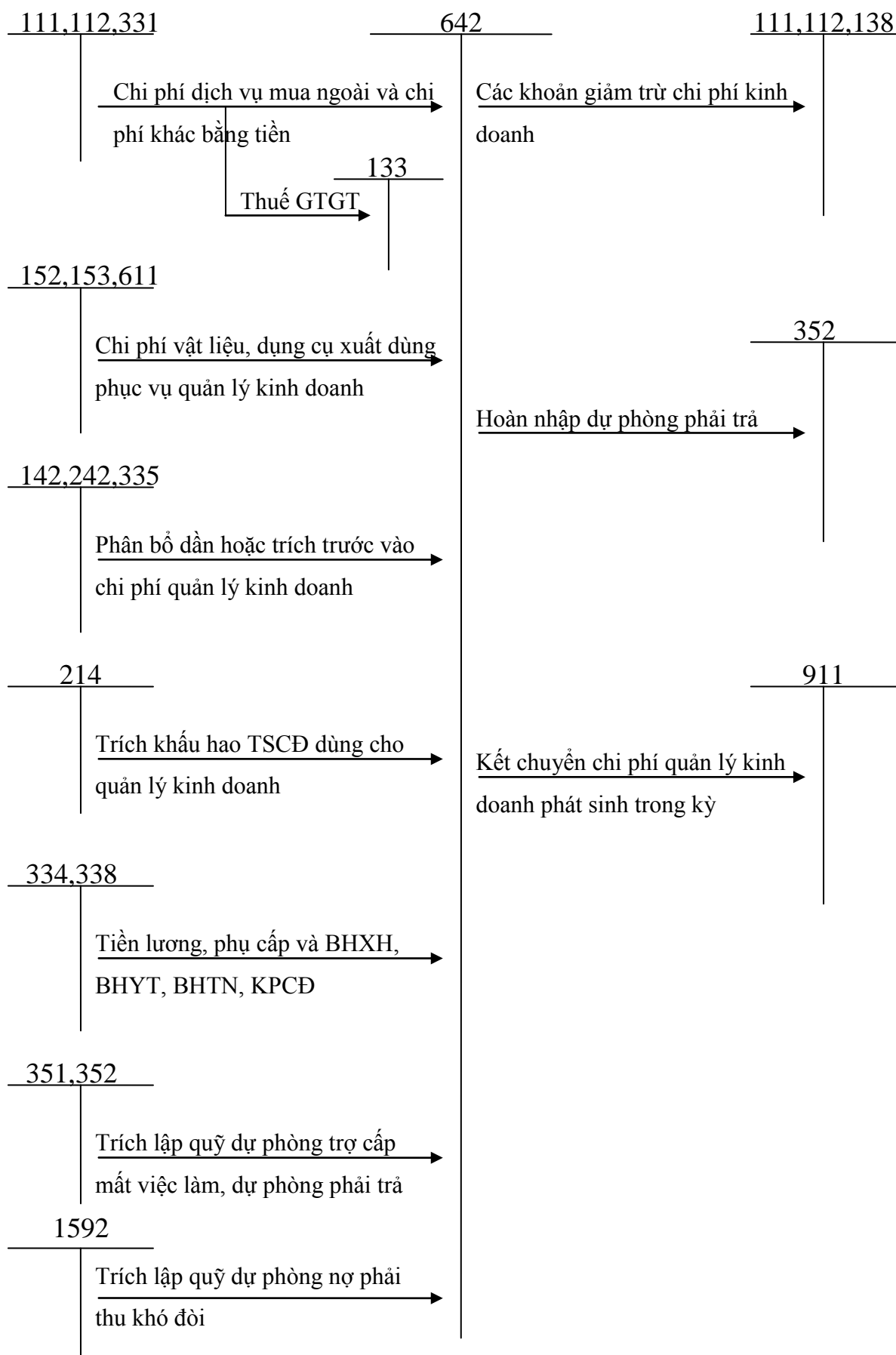
#### ❖ Kết cấu và nội dung phản ánh

TK 642

- Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ	- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào Tài khoản 911
---	---

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

#### ❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý kinh doanh

### 1.3.2 Kế toán xác định kết quả bán hàng

❖ Chứng từ sử dụng

- Các bảng phân bổ chi phí
- Các bảng phân bổ doanh thu và thu nhập thuần
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

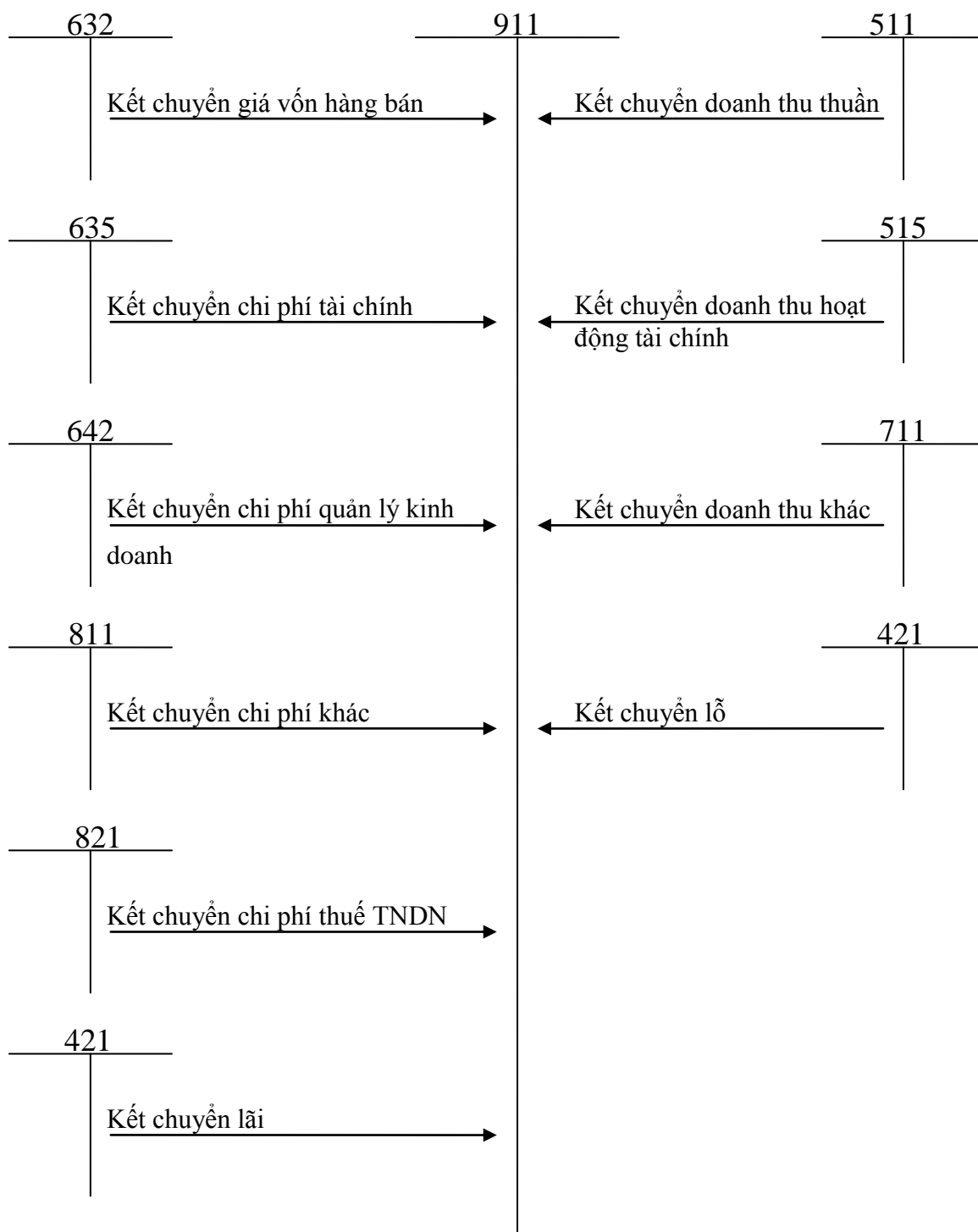
❖ Kết cấu và nội dung phản ánh

TK 911

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán	- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác	- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Chi phí quản lý kinh doanh	- Kết chuyển lỗ
- Kết chuyển lãi	

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp hạch toán

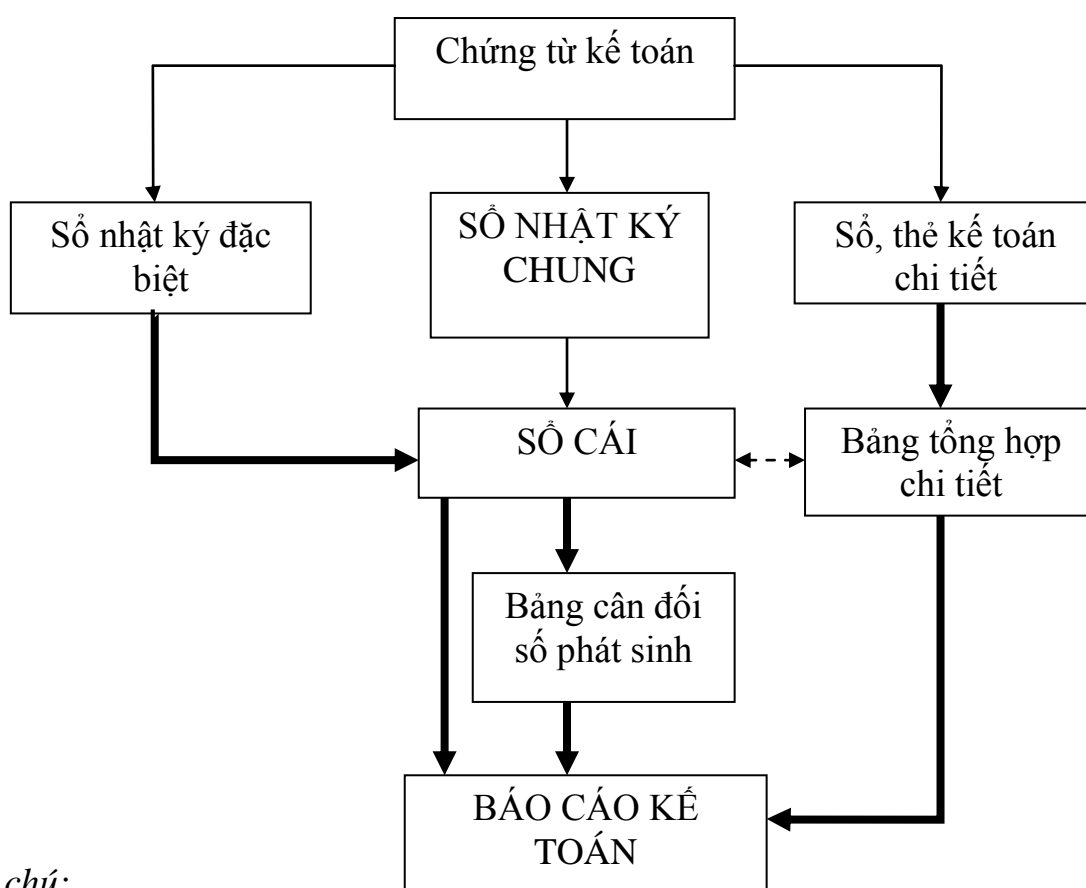


Sơ đồ 1.5: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

## 1.4 Các hình thức ghi sổ kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy

\* *Trình tự ghi sổ của hình thức kế toán Nhật ký chung*



*Ghi chú:*

—→ Ghi hàng ngày

—→ Ghi cuối tháng

←- - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

**CHƯƠNG 2:**  
**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ**  
**XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BÁN HÀNG TẠI CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VIỆT ÚC**

**2.1 Giới thiệu về công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc**

**2.1.1 Khái quát chung**

Tên công ty viết bằng tiếng việt : Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Tên công ty viết tắt bằng tiếng nước ngoài: VIET – UC INVESTMENT  
CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIETUC INVESCO

Địa chỉ trụ sở chính: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm, Hải An, Hải  
Phòng

Tel/Fax: (031) 389.88.89 – 389.86.86 (064) 3576318 –  
3597037

Email: [vietuccmt@gmail.com](mailto:vietuccmt@gmail.com)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Cấp ngày 27/12/2007

Mã số thuế: 0200783157

Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần

Vốn điều lệ: 18.000.000.000 VNĐ

**2.1.2 Lịch sử hình thành và phát triển công ty.**

❖ Lịch sử hình thành công ty:

Sau hơn một thập kỷ mở cửa thị trường và hội nhập quốc tế, nền kinh tế tại Việt Nam phát triển vượt bậc. Ngày càng có nhiều các doanh nghiệp được thành lập cũng như việc mở rộng thêm các chi nhánh của các công ty lớn đồng nghĩa với việc nhu cầu thuê mặt bằng, nhà đất ngày càng gia tăng. Nắm bắt được tình hình đó, các cổ đông sáng lập đã quyết định thành lập công ty Cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc với mục tiêu cho thuê mặt bằng, cho thuê văn phòng nhằm đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp.

Tên gọi Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc được đặt dựa theo quốc tịch của các vị cổ đông sáng lập công ty, bao gồm:

1. Ông Terrence James Coman ( Úc )
2. Ông Trịnh Khắc Điện ( Việt Nam )
3. Ông Đào Trọng Hậu ( Việt Nam )

Ngày 27/12/2007, Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc đã được Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp phép thành lập và hoạt động.

❖ Quá trình phát triển công ty:

Công ty Việt Úc nằm trên tuyến đường ngã năm sân bay Cát Bi, một trong những dự án lớn nhất của Hải Phòng trong thời gian gần đây đã mang lại rất nhiều thuận lợi cho công ty. Đây là khu đô thị mới đã hình thành nhiều khu dân cư đông đúc, khu trung tâm thương mại, trụ sở các công ty hoạt động trên địa bàn thành phố. Trong bối cảnh phát triển như vậy việc xây dựng các cao ốc văn phòng như công ty Việt Úc là rất thiết thực, hợp lý.

- Năm 2007: Công ty được thành lập

- Từ năm 2007 đến năm 2011 công ty tiến hành xây dựng tòa nhà Việt Úc. Tòa nhà gồm 11 tầng bao gồm gara để xe, thang máy.

- Khi mới đi vào hoạt động có 6 doanh nghiệp thuê văn phòng tại tòa nhà. Những năm về sau, càng ngày càng có nhiều doanh nghiệp đến liên hệ thuê văn phòng tại đây. Điều đó khẳng định công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc đang dần khẳng định được chỗ đứng đối với các doanh nghiệp. Điển hình là đến năm 2012 số doanh nghiệp đến thuê văn phòng lên đến 18 doanh nghiệp hoạt động trên các lĩnh vực khác nhau như: Ngân hàng SHB, Công ty cổ phần giám định Đại Việt, Công ty khai thác và quản lý tàu VTD, Công ty TNHH TM & DV Hàng Hải Liên Minh.....

### ***2.1.3 Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh***

- Mục tiêu hoạt động:

+Lợi nhuận

+Xây dựng và phát triển thương hiệu

+Phát triển nguồn nhân lực và công nghệ

- Ngành nghề kinh doanh chính: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết:

+Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua

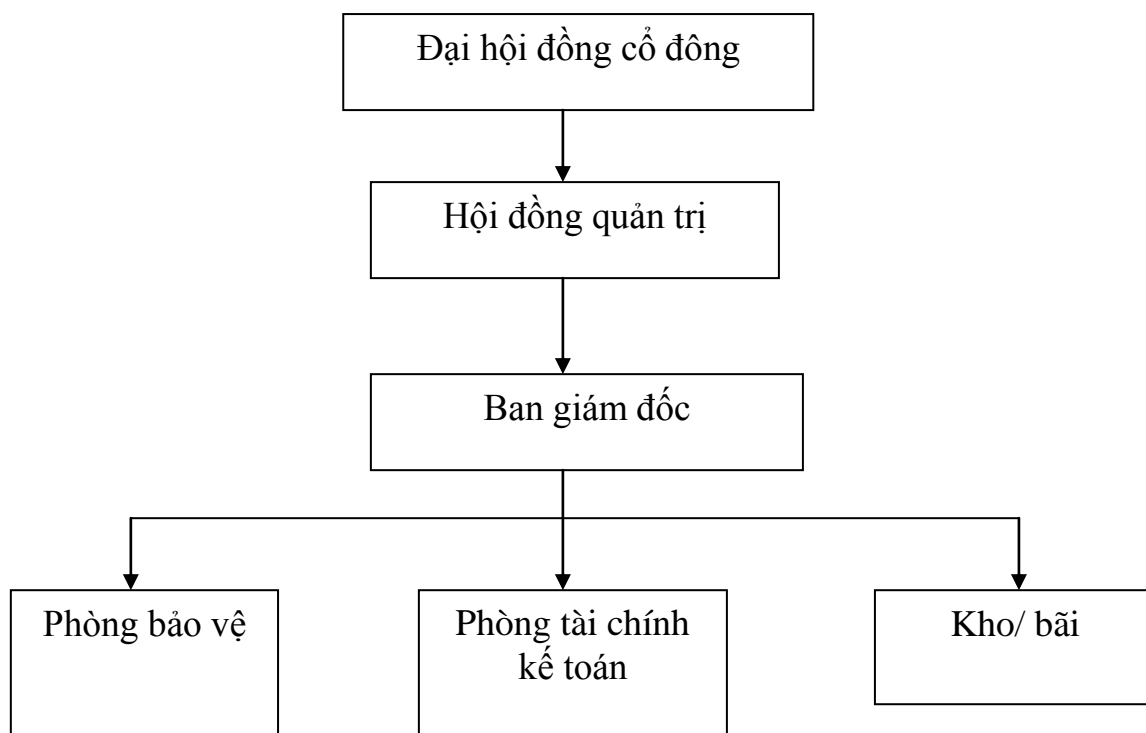
+Đầu tư cải tạo đất và đầu tư cải tạo hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng. Mã ngành: 6810 (Mã ngành chính)

STT	Tên ngành	Mã Ngành
1	Kinh doanh BĐS , quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết : Đầu tư tạo lập nhà , công trình xây dựng để bán , cho thuê, cho thuê mua Đầu tư cải tạo đất và đầu tư cải tạo hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng	6810 (chính)
2	Cung cấp dịch vụ ăn uống không thường xuyên với khách hàng (Phục vụ tiệc , hội họp , đám cưới .....)	5621
3	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết : Nạo vét sông biển	4390
4	Lắp đặt hệ thống cấp , thoát nước , lò sưởi và điều hòa không khí	4322
5	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
6	Dịch vụ lưu trú bán hàng	5510
7	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm quán bar)	5630
8	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết : Tư vấn lập quy hoạch xây dựng , dự án đầu tư, bản vẽ thi công ,lập dự toán . tổng dự toán .	7020



	Tư vấn quản lý dự án , lập hồ sơ mời thầu . phân tích , đánh giá hồ sơ dự thầu , lập hồ sơ địa chính và cắm cọc giải phóng mặt bằng	
9	Cung ứng lao động tạm thời không bao gồm cung ứng lao động cho các tổ chức có chức năng xuất khẩu lao động	7820
10	Phá dỡ	4311
11	Xây dựng nhà các loại	4100
12	Cho thuê máy móc , thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết : Cho thuê máy móc , thiết bị xây dựng . Cho thuê máy móc thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính )	7730
13	Hoạt động của các trung tâm , đại lý tư vấn , giới thiệu và môi giới lao động , việc làm (Không bao gồm tư vấn giới thiệu và môi giới cho các tổ chức có chức năng xuất khẩu lao động)	7810
14	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người bị thiếu năng, tâm thần, người nghiện	8720
15	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết : Cung ứng lao động tạm thời không bao gồm cung ứng lao động cho các tổ chức có chức năng xuất khẩu lao động	7830
16	Đại lý tua du lịch	7911
17	Điều hành tua du lịch	7912
18	Chuẩn bị mặt bằng	4312
19	Lắp đặt hệ thống điện	4312
20	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
21	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
22	Khai thác đá, cát , sỏi . đất sét	0810
23	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210

#### 2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc.



Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

##### ❖ Chức năng các phòng ban

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung vốn điều lệ của công ty; bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, và quyết định tổ chức lại, giải thể công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty.

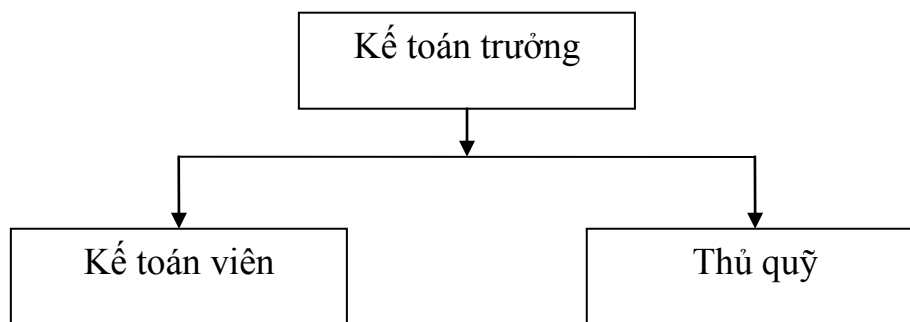
- Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị nhân danh công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong công ty.

- Ban giám đốc:
  - Tổng giám đốc: Trịnh Khắc Điện
  - Phó giám đốc: Terrence James Coman
  - Giám đốc điều hành: Phạm Tuấn Hùng

Ban giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Phó giám đốc giúp việc giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được giám đốc ủy quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

- Phòng bảo vệ: Bảo vệ trật tự an ninh trong công ty

### ***2.1.5 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc.***



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

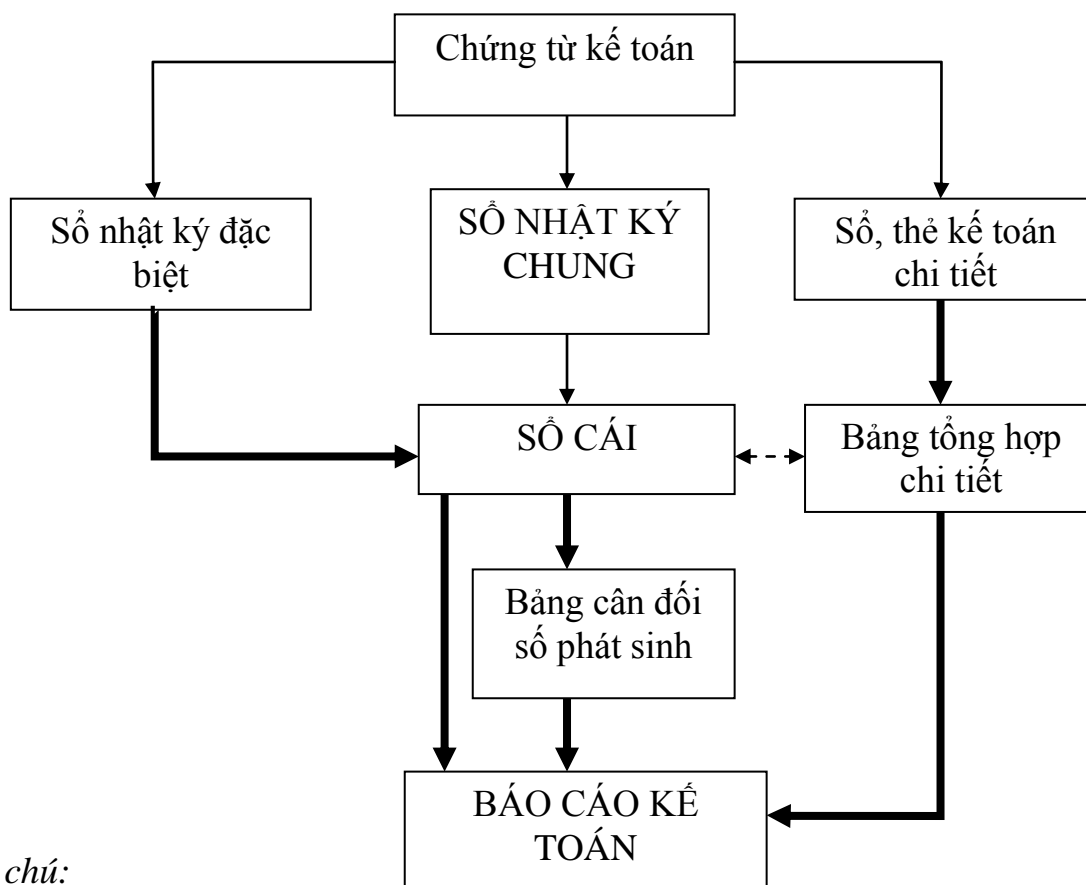
- Kế toán trưởng: Là người đứng đầu phòng kế toán của công ty, có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán, sắp xếp toàn bộ nhân viên kế toán trong công ty, làm tham mưu cho tổng giám đốc. Ngoài ra kế toán trưởng còn phân tích số liệu về hoạt động kinh doanh của công ty để lập báo cáo tài chính, cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động điều hành kinh doanh của Ban giám đốc. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về công việc của cả phòng và các thông tin trên báo cáo tài chính.

- Kế toán viên là người có trách nhiệm thu thập, tiến hành phân loại các số liệu phát sinh và ghi chép lại vào các sổ kế toán một cách chính xác và thực hiện các công việc dưới sự chỉ đạo của kế toán trưởng.

- Thủ quỹ: Quản lý quỹ tiền mặt của công ty, hàng ngày căn cứ vào phiếu thu chi tiền mặt để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt, ghi sổ quỹ phân thu chi. Sau đó tổng hợp, đối chiếu thu chi với kế toán.

### 2.1.6 Hình thức hạch toán kế toán

- Hiện nay công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung.



*Ghi chú:*

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ← - - - → Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Trình tự kế toán Nhật ký chung trong công ty

- Trình tự ghi sổ chứng từ kế toán:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Các sổ, thẻ kế toán chi tiết được ghi đồng thời với sổ Nhật ký chung. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

### **2.1.7 Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty**

- Kỳ kế toán năm: Bắt đầu ngày 01-01 và kết thúc ngày 31-12.
- Ngôn ngữ sử dụng trong kế toán: Tiếng Việt.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam Đồng (VND)
- Hình thức sổ sách kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định của công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định được tính theo nguyên giá và khấu hao lũy kế. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp: đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Công ty áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền: Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển sang VND thực tế tại ngày phát sinh.
- Hình thức mở và khoá sổ kế toán:  
Mở sổ kế toán: đầu niên độ kế toán, công ty tiến hành mở sổ kế toán theo danh mục đã đăng ký với cơ quan nhà nước.  
Khoá sổ kế toán: cuối kỳ hạch toán
- Hệ thống tài khoản sử dụng: Theo chế độ kế toán doanh nghiệp quyết định Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## **2.2 Thực trạng công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc**

### **2.2.1 Thực trạng công tác kế toán bán hàng**

#### **2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đặc điểm bán hàng của công ty:

+ Doanh thu là các nghiệp vụ liên quan đến dịch vụ cho thuê văn phòng, hoàn thiện công trình xây dựng

+ Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng là khi khách hàng đã thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán và dịch vụ đã được chuyển giao.

+ Phương thức thanh toán: có thể thanh toán bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu, Giấy báo Có
- Các chứng từ liên quan khác

#### ❖ Tài khoản sử dụng

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

*TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm*

*TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ*

#### ❖ Quy trình hạch toán

Căn cứ vào chứng từ gốc (hóa đơn GTGT, phiếu thu ....) kế toán ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái TK 511.

Cuối kỳ, căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 511 lập các Báo cáo tài chính

VÍ DỤ 1: Ngày 05/12/2012 Công ty khai thác và quản lý tàu VTD thanh toán tiền thuê văn phòng bao gồm cả phí dịch vụ bằng tiền mặt, số tiền chưa thuế 9.077.273 đ ( VAT 10% )

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0068123

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
		Ký hiệu: HM/11P			
Liên 3 : Nội bộ		<b>0068123</b>			
Ngày 05 tháng 12 năm 2012					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VIỆT ÚC					
Mã số thuế: 0200783157					
Địa chỉ: Số 2/16D, Trung Hành 5, Đặng Lâm, Hải An, HP					
Số tài khoản:					
Điện thoại: (031) 389.88.89		Fax: (031) 389.86.86			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty khai thác và quản lý tàu VTD					
Địa chỉ: Số 2/16D, Trung Hành 5, Hải An, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM/ CK					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=4x5
1	Văn phòng	m2	50	160.000	8.000.000
2	Phí dịch vụ (điện, nước)				1.077.273
	<b>CỘNG</b>				9.077.273
Cộng tiền hàng : 9.077.273 đồng					
Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT: 907.727 đồng					
Tổng cộng tiền thanh toán 9.985.000 đồng					
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng					
Người mua hàng ( Ký, ghi rõ họ, tên)			Người bán hàng ( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)		

Biểu số 2.2: Phiếu thu số 074

Đơn vị: Công ty CP Tư vấn ĐT Việt Úc

Mẫu số 01 - TT

Địa chỉ: Số 2/16D Trung Hành 5, Đường  
Lâm, Hải An, HP

*(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-  
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU THU**

*Quyển số*

Ngày: 05/12/2012

Số: 074

Nợ TK 111: 9.985.000 đ

Có TK 5113: 9.077.273đ

Có TK 3331: 907.727 đ

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Văn Nam

Địa chỉ: Số 2/16D Trung Hành 5, Đường Lâm, Hải An, HP

Lý do thu: Thanh toán tiền thuê văn phòng

Số tiền: 9.985.000

Bằng chữ(/.): Chín triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng

Kèm theo 1 chứng từ gốc

Ngày: 05/12/2012

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Kế toán**  
*(Ký, họ tên)*

**Thủ quỹ**  
*(Ký, họ tên)*

**Người nộp**  
*(Ký, họ tên)*



**Biểu số 2.3: Sổ nhật ký chung**

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đặng Lâm,  
Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2012

*Đơn vị tính: đồng*

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số Cái	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
...	....	...	....	....	....	....	....
05/ 12	PT/ 074	05/ 12	Doanh thu cho thuê VP  Thuế GTGT phải nộp	× × × ×	1111 5113 1111 3331	9.077.273  907.727	9.077.273  907.727
06/ 12	K1/ 040	06/ 12	Quyết toán hợp đồng thi công	× ×	131 5112	40.000.000	40.000.000
24/ 12	K1/ 051	24/ 12	Tiền thuê văn phòng và phí dịch vụ Thuế GTGT phải nộp	× × × ×	131 5113 131 3331	1.086.586  108.658	1.086.586  108.658
...	...	...	....	...	....	....	....
			<b>Tổng</b>			<b>38.058.705.875</b>	<b>38.058.705.875</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Biểu số 2.4: Sổ cái tài khoản 511

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc  
Địa chỉ: Số 2/16D Trung Hành 5, Đặng Lâm,  
Hải An, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2012

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

*Đơn vị tính: đồng*

NT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...	....	...	<b>- Số dư đầu năm</b>			
...	....	...	....	....	....	....
05/ 12	PT/ 074	05/ 12	Doanh thu cho thuê VP	1111		9.077.273
06/ 12	K1/ 040	06/ 12	Quyết toán hợp đồng thi công	131		40.000.000
24/ 12	K1/ 051	24/ 12	Tiền thuê văn phòng và phí dịch vụ	131		1.086.586
31/ 12	HT/ 031	31/ 12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	2.896.327.068	
			<b>- Cộng SPS</b>		<b>2.896.327.068</b>	<b>2.896.327.068</b>
			<b>- Số dư cuối tháng</b>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán

Kế toán giá vốn hàng bán của công ty chủ yếu là phí dịch vụ điện nước thu hộ khách hàng đang thuê văn phòng tại công ty (trong hóa đơn cho thuê văn phòng đã bao gồm cả phí dịch vụ)

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 632: Giá vốn hàng bán

❖ Trình tự hạch toán

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, kế toán hạch toán vào nhật ký chung và sổ cái TK 632. Cuối kỳ phản ánh vào bảng tổng hợp chi tiết và kết chuyển TK 632 về TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

VÍ DU2: Ngày 04/12/2012 Tiền nước tháng 12 thanh toán bằng tiền mặt số tiền 1.035.000 đ chưa thuế.

Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT tiền nước

<p>CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG</p> <p><b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG THU TIỀN NƯỚC</b></p> <p>Liên 2: Giao cho khách hàng Ngày 04 tháng 12 năm 2012 TỔNG GIÁM ĐỐC</p>	<b>Danh bạ điểm dùng:</b> 6568957		Mẫu số: 01GTKT2/001 Ký hiệu: AA/12P Số: <b>0875763</b>		
	<b>Tên khách hàng:</b> CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VIỆT ÚC				
	<b>Địa chỉ:</b> Số 2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm, Hải An, HP				
	<b>Mã số thuế:</b> 200783157		<b>Seri ĐH:</b> CTCNHP708883		<b>Tuyến:</b> 755
	<b>Mã hóa đơn:</b> 31635111	<b>Từ ngày:</b> 01/11/2012		<b>Chỉ số cũ:</b> 456	
<b>Hóa đơn tháng:</b> 12/1012	<b>Đến ngày:</b> 01/12/2012		<b>Chỉ số mới:</b> 586		<b>Tiêu thụ:</b> 130
<b>Diễn giải</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>	<b>VAT 5%</b>	<b>Phí TN15%</b>
	50	6000	300.000	15.000	35.000
	50	7500	375.000	17.000	50.000
	30	8500	255.000	13.000	20000
<b>CỘNG</b>			930.000	45.000	105.000
<b>Tổng số tiền bằng chữ:</b> Một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng					<b>1.080.000</b>

Biểu số 2.6: Phiếu chi số 237

Đơn vị: Công ty CP Tư vấn ĐT Việt Úc

Mẫu số 02 – TT

Địa chỉ: Số 2/16D Trung Hành 5, Đường  
Lâm, Hải An, HP

(Ban hành theo quyết định số:  
48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ  
trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

*Quyển số*

Ngày: 04/12/2012

Số: 237

Nợ TK 632: 1.035.000 đ

Nợ TK 1331: 45.000 đ

Có TK 1111: 1.080.000 đ

Họ và tên người nhận tiền: Trần Tuấn Anh

Địa chỉ:

Lý do chi: Thanh toán tiền nước

Số tiền: 1.080.000

Bằng chữ (./.): Một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng

Kèm theo 1 Chứng từ gốc

Ngày : 04/12/2012

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán**

(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**

(Ký, họ tên)

**Người nhận**

(Ký, họ tên)

## Biểu số 2.7: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đàng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Lâm, Hải An, Hải Phòng

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2012

*Đơn vị tính: đồng*

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số Cái	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
...	....	...	....	....	....	....	....
04/ 12	PC/ 237	04/ 12	Thanh toán tiền nước  Thuế GTGT phải nộp	×  ×  ×	632 1111 1331 1111	1.035.000  45.000	1.035.000  45.000
15/ 12	K3/ 021	15/ 12	Thanh toán tiền điện  Thuế GTGT phải nộp	×  ×  ×	632 331 1331 331	11.925.500  1.192.550	11.925.500  1.192.550
...	...	...	....	...	....	....	....
			<b>Tổng</b>			<b>38.058.705.875</b>	<b>38.058.705.875</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Biểu số 2.8: Sổ cái TK 632

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Mẫu số: S03b – DNN

Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đặng Lâm,  
Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2012

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

*Đơn vị tính: đồng*

NT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>- Số dư đầu năm</b>			
...	....	...	....	....	....	....
04/ 12	PC/ 237	04/ 12	Tiền nước	1111	1.035.000	
15/ 12	K3/ 021	15/ 12	Tiền điện	331	11.925.500	
31/ 12	HT/ 032	31/ 12	Kết chuyển giá vốn	911		2.409.701.327
			<b>- Cộng SPS</b>		<b>2.409.701.327</b>	<b>2.409.701.327</b>
			<b>- Số dư cuối tháng</b>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## **2.2.2 Thực trạng công tác xác định kết quả bán hàng**

### **2.2.2.1 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Bảng thanh toán lương
- Bảng trích khấu hao TSCĐ

#### ❖ Tài khoản sử dụng

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

*TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp*

#### ❖ Trình tự hạch toán

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ, kế toán phân loại ghi vào sổ nhật ký chung sau đó ghi vào sổ cái TK 642. Cuối kỳ tổng hợp và kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

VÍ DU3: Ngày 08/12/2012 Phí chuyển tiền ngân hàng VIB 22.000 đ



Biểu số 2.9: Hóa đơn GTGT

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
(PHIẾU THU PHÍ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG)

(Liên 2: Giao khách hàng)      Mẫu số      01GTKT2/00  
5

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM      Số bút      1188604117  
toán:

Chi nhánh: Chi nhánh Hong Bang      Ký hiệu: ET/11T

Địa chỉ chi      116 NGUYỄN ĐỨC CẢNH - Q.LÊ  
nhánh:      CHÂN T.P HẢI PHÒNG      Số: 6480

Mã số thuế: 0100233488-002      Ngày: 08/12/2012

<b>Mã số KH:</b> 922278	<b>Mã số thuế:</b> 200783157	
<b>Số tài khoản :</b> 12704060024671	<b>Tên TK:</b> CTY CP TƯ VẤN ĐẦU VIỆT ÚC	
<b>Địa chỉ:</b> SỐ 2/16D TRUNG HÀNH 5, ĐĂNG LÂM, HẢI AN, HP		
<b>Loại phí:</b> MT9 - PHI DVU MOBILE BANKING 2DT	20.000 VND	<b>Số tiền tính phí :</b>
<b>Số tiền trước thuế:</b>	20.000 VND	<b>Tỷ giá:</b> 1
<b>Thuế suất:</b> 10%	<b>Nội dung:</b>	
<b>VAT:</b> 2.000 VND	<b>Số tiền sau thuế:</b> 22.000 VND	
<b>Số tiền sau thuế bằng chữ:</b> Hai mươi hai nghìn đồng		

NGƯỜI BÁN HÀNG

KIỂM SOÁT

KHÁCH HÀNG

## Biểu số 2.10: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Số 2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm,  
Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2012

*Đơn vị tính: đồng*

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số Cái	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
...	....	...	....	....	....	....	....
03/ 12	PC/ 235	03/ 12	Xăng Mogas	×	6422	952.500	
				×	1111		952.500
				×	1331	95.250	
				×	1111		95.250
08/ 12	NH/ T12	08/ 12	Phí chuyển tiền	×	6422	22.000	
				×	1124		22.000
30/ 2	HT/ 026	30/ 12	Hạch toán lương tháng 12	×	6422	43.446.000	
				×	334		43.446.000
...	...	...	....	...	....	....	....
			<b>Tổng</b>			<b>38.058.705.875</b>	<b>38.058.705.875</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Biểu số 2.11: Sổ cái TK 642

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc  
Địa chỉ: Số 2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm,  
Hải An, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2012

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

*Đơn vị tính: đồng*

NT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...	....	...	<b>- Số dư đầu năm</b>			
			....	....	....	....
03/ 12	PC/ 235	03/ 12	Xăng Mogas	1111	952.500	
08/ 12	NH/ T12	08/ 12	Phí chuyển tiền	1124	22.000	
31/ 12	HT/ 026	30/ 12	Hạch toán lương tháng 12	334	43.446.000	
31/ 12	HT/ 032	31/ 12	Kết chuyển	911		1.549.854.609
			<b>- Cộng SPS</b>		<b>1.549.854.609</b>	<b>1.549.854.609</b>
			<b>- Số dư cuối tháng</b>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.2.2 Kế toán xác định kết quả bán hàng

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

❖ Trình tự hạch toán

Cuối kỳ căn cứ vào các số cái tài khoản 511,632,642 thực hiện kết chuyển sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả} & & \text{Doanh thu} & & \text{Chi phí quản lý} \\ \text{bán hàng} & = & \text{thuần} & - & \text{kinh doanh} \\ & & & - & \text{Giá vốn hàng bán} \end{array}$$

VÍ DỤ 4: Ngày 31/12/2012 Kế toán tiến hành xác định kết quả bán hàng của công ty

Kết quả bán hàng của công ty năm 2012 là:

$$\begin{aligned} \text{Kết quả bán hàng 2012} &= 2.896.327.068 - 2.409.701.327 - 1.549.854.609 \\ &= - 1.063.228.868 \end{aligned}$$

Biểu số 2.12: Phiếu kế toán 031

*Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc*

*Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng*

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: HT/031

TT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	2.896.327.068
	<b>Tổng cộng</b>			<b>2.896.327.068</b>

Ngày 31/12/2012

NGƯỜI LẬP PHIẾU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

Biểu số 2.13: Phiếu kế toán 032

*Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc*

*Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng*

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: HT/032

TT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn	911	632	2.409.701.327
2	Kết chuyển chi phí quản lý	911	642	1.549.854.609
	<b>Tổng cộng</b>			<b>3.959.555.936</b>

Ngày 31/12/2012

NGƯỜI LẬP PHIẾU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

## Biểu số 2.14: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc  
Địa chỉ: Số 2/16D Trung Hành 5, Đàng Lâm,  
Hải An, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2012

*Đơn vị tính: đồng*

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số Cái	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
...	....	...	....	....	....	....	.....
31/ 12	HT/ 031	31/ 12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	× ×	511 911	2.896.327.068	2.896.327.068
...	...	....	.....			.....	.....
31/ 12	HT/ 032	31/ 12	Kết chuyển giá vốn	× ×	911 632	2.409.701.327	2.409.701.327
31/ 12	HT/ 032	31/ 12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	× ×	911 642	1.549.854.609	1.549.854.609
31/ 12	HT/ 033	31/ 12	Kết chuyển chi phí khác	× ×	911 811	54.887.380	54.887.380
31/ 12	HT/ 034	31/ 12	Kết chuyển thu nhập khác	× ×	711 911	325.125	325.125
31/ 12	HT/ 035	31/ 12	Kết chuyển lỗ	× ×	421 911	1.177.456.112	1.177.456.112
			<b>Tổng</b>			<b>38.058.705.875</b>	<b>38.058.705.875</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Biểu số 2.15: Sổ cái TK 911

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc  
Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm,  
Hải An, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2012

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

*Đơn vị tính: đồng*

NT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>- Số dư đầu năm</b>			
31/12	HT/031	31/ 12	K/c doanh thu bán hàng	511		2.896.327.068
....	.....	....	.....	...		.....
31/12	HT/032	31/ 12	K/c giá vốn	632	2.409.701.327	
31/ 12	HT/ 032	31/ 12	K/c chi phí QLKD	642	1.549.854.609	
31/ 12	HT/ 033	31/ 12	K/c chi phí khác	811	54.887.380	
31/ 12	HT/ 034	31/ 12	K/c thu nhập khác	711		325.125
31/ 12	HT/ 035	31/ 12	Kết chuyển lỗ	421		1.177.456.112
			<b>- Cộng SPS</b>		<b>4.078.943.316</b>	<b>4.078.943.316</b>
			<b>- Số dư cuối tháng</b>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



## **CHƯƠNG 3:**

### **CÁC BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BÁN HÀNG NHẪM XÁC ĐỊNH CHÍNH XÁC KẾT QUẢ BÁN HÀNG CHO TỪNG HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VIỆT ÚC**

#### **3.1 Nhận xét chung về công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc**

##### **❖ Ưu điểm**

Thứ nhất: Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung, bộ máy kế toán được tổ chức tương đối gọn nhẹ, hợp lý và phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty.

Thứ hai: Hệ thống tài khoản dùng để phản ánh các nghiệp vụ liên quan đến bán hàng được sử dụng tương đối đầy đủ, đúng chế độ, chứng từ kế toán theo quy định, trình tự luân chuyển chứng từ hợp lý.

Thứ ba: Công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng ở công ty dễ thực thi, cách tính đơn giản tổng kết tính toán một cách chính xác giúp cho ban lãnh đạo nắm được tình hình để công việc quản lý được chặt chẽ hơn.

##### **❖ Hạn chế**

Thứ nhất: Trong quá trình bán hàng công ty không áp dụng việc chiết khấu thương mại cho khách hàng. Đây cũng là một nguyên nhân làm ảnh hưởng đến hiệu quả của việc bán hàng nhất là trong điều kiện thị trường đang có sự cạnh tranh gay gắt như hiện nay.

Thứ hai: Công ty hiện nay không mở các sổ kế toán chi tiết để theo dõi kết quả của từng hoạt động làm ảnh hưởng đến quyết định phát triển kinh doanh của nhà quản lý

### **3.2 Biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng nhằm xác định chính xác kết quả của từng hoạt động tại Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc**

Biện pháp 1: Về chính sách ưu đãi cho khách hàng

Công ty nên áp dụng một số biện pháp khuyến mãi như chiết khấu thương mại dành cho các khách hàng lâu năm nhằm tạo mối quan hệ làm ăn tốt đẹp, lâu dài. Đây cũng là phương thức kinh doanh có hiệu quả được nhiều doanh nghiệp áp dụng phổ biến trong thời buổi cạnh tranh khốc liệt ngày nay.

Phương pháp hạch toán như sau:

- TK 5211- Chiết khấu thương mại: Phản ánh số giảm giá cho người mua hàng với khối lượng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng.

- Chiết khấu thương mại trừ ngoài hóa đơn

1) Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK 5211: Số chiết khấu khách hàng được hưởng

Nợ TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111, 112: Thanh toán ngay

Có TK 131: Trừ vào công nợ

2) Cuối kỳ, kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua hưởng sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần:

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 5211: Chiết khấu thương mại

- Chiết khấu thương mại trừ trong hóa đơn

Nợ TK 111, 112, 131:

Có TK 3331: Thuế GTGT

Có TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đã trừ chiết khấu thương mại

Biện pháp 2: Việc mở các sổ chi tiết để theo dõi kết quả của từng hoạt động

Là công ty kinh doanh nhiều lĩnh vực, việc mở sổ chi tiết theo dõi tình hình bán hàng và kết quả bán hàng của từng hoạt động trong công ty là cần thiết giúp cho nhà quản lý biết nên phát triển lĩnh vực nào và giảm bớt lĩnh vực nào cũng như đưa ra các chiến lược khác để kích thích hoạt động bán hàng của công ty. Cụ thể, công ty nên mở các sổ chi tiết cho các Tài khoản 511, 632, 911

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc  
 Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm, Hải An,  
 Hải Phòng

Mẫu số: S17 – DNN  
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG TK 511**

Tên dịch vụ: Cho thuê văn phòng

Đơn vị: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu				Các khoản giảm trừ	
Số hiệu	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác
						Nợ	Có		
....	....	....	....	....	....	....	....	.....	.....
PT/056	03/11	Doanh thu cho thuê văn phòng	1111	65	160.000		10.400.000		
PT/074	05/12	Doanh thu cho thuê văn phòng	1111	50	160.000		9.077.273		
HT/031	31/12	Kết chuyển	911			1.345.138.301			
		<b>- Cộng số phát sinh</b>				<b>1.345.138.301</b>	<b>1.345.138.301</b>		
		<b>- Doanh thu thuần</b>					<b>1.345.138.301</b>		
		<b>- Giá vốn hàng bán</b>				<b>1.204.564.320</b>			
		<b>- Lãi gộp</b>					<b>140.573.981</b>		

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

### Biểu số 3.2: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc  
Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm, Hải An,  
Hải Phòng

Mẫu số: S17 – DNN  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG TK 511**

Tên dịch vụ: Xây dựng công trình

Đơn vị: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu				Các khoản giảm trừ	
Số hiệu	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác
						Nợ	Có		
....	....	....	....	....	....	....	.....	....	
K1/040	06/12	Quyết toán hợp đồng thi công	131				40.000.000		
HT/031	31/12	Kết chuyển	911			1.551.188.767			
		<b>- Cộng số phát sinh</b>				<b>1.551.188.767</b>	<b>1.551.188.767</b>		
		<b>- Doanh thu thuần</b>					<b>1.551.188.767</b>		
		<b>- Giá vốn hàng bán</b>				1.205.137.007			
		<b>- Lãi gộp</b>					346.051.760		

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người ghi sổ**  
( ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

Biểu số 3.3: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc  
 Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đặng Lâm, Hải An,  
 Hải Phòng

Mẫu số: S18 – DNN  
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 632

Tên dịch vụ: Cho thuê văn phòng

Đơn vị: đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ tài khoản				
	Số hiệu	NT			Tổng số tiền	Chia ra			
						.....	.....	.....	.....
			<b>Số dư đầu kỳ</b>						
.....	.....	.....	.....	.....	.....				
04/12	PC/237	04/12	Tiền nước	1111	1.035.000				
15/12	K3/021	15/12	Tiền điện	331	11.925.500				
31/12	HT/032	31/12	Kết chuyển	911	1.204.564.320				
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>1.204.564.320</b>				
			<b>Ghi có TK</b>						
			<b>Số dư cuối kỳ</b>						

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

Biểu số 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc  
Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm, Hải An,  
Hải Phòng

Mẫu số: S18 – DNN  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 632

Tên dịch vụ: Xây dựng công trình

Đơn vị: đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ tài khoản				
	Số hiệu	NT			Tổng số tiền	Chia ra			
						.....	.....	.....	.....
			<b>Số dư đầu kỳ</b>						
.....	....	....	.....	.....	.....				
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>1.204.564.320</b>				
			<b>Ghi có TK</b>						
			<b>Số dư cuối kỳ</b>						

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

## KẾT LUẬN

----- \*\*\* -----

Qua thời gian nghiên cứu về tổ chức hạch toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc, đề tài đã giải quyết được những vấn đề sau:

- Đề tài đã hệ thống hóa được các vấn đề lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo qui định của QĐ 48/2006/QĐ- BTC và làm rõ được phương pháp xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp.

- Đề tài đã khảo sát thực trạng công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty cổ phần tư vấn Việt Úc năm 2012 và đánh giá được thực trạng công tác kế toán tại doanh nghiệp có những ưu và nhược điểm sau:

+ Về ưu điểm

Thứ nhất: Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung, bộ máy kế toán được tổ chức tương đối gọn nhẹ, hợp lý và phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty.

Thứ hai: Hệ thống tài khoản dùng để phản ánh các nghiệp vụ liên quan đến bán hàng được sử dụng tương đối đầy đủ, đúng chế độ, chứng từ kế toán theo quy định, trình tự luân chuyển chứng từ hợp lý.

Thứ ba: Công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng ở công ty dễ thực thi, cách tính đơn giản tổng kết tính toán một cách chính xác.

+ Về hạn chế

Thứ nhất: Trong quá trình bán hàng công ty không áp dụng việc chiết khấu thương mại cho khách hàng. Đây cũng là một nguyên nhân làm ảnh hưởng đến hiệu quả của việc bán hàng nhất là trong điều kiện thị trường đang có sự cạnh tranh gay gắt như hiện nay.



Thứ hai: Công ty hiện nay không mở các sổ kế toán chi tiết để theo dõi kết quả của từng hoạt động làm ảnh hưởng đến quyết định phát triển kinh doanh của nhà quản lý.

- Trên cơ sở các phân tích thực trạng tại công ty đề tài đã đề xuất một số biện pháp tổ chức hạch toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty Cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc nhằm cung cấp được các thông tin chính xác chi tiết về kết quả của từng hoạt động của công ty như hoạt động cho thuê văn phòng, hoạt động xây dựng như:

+ Công ty nên áp dụng một số chính sách ưu đãi đối với khách hàng lâu năm nhằm tạo mối quan hệ làm ăn tốt đẹp, lâu dài và đẩy mạnh được công tác bán hàng.

+ Công ty nên mở các sổ chi tiết để theo dõi kết quả của từng hoạt động bao gồm hệ thống các sổ chi tiết các Tài khoản 511, 632, 911 để theo dõi tình hình bán hàng và kết quả bán hàng của từng hoạt động trong công ty, giúp cho nhà quản lý biết nên phát triển lĩnh vực nào và giảm bớt lĩnh vực nào cũng như đưa ra các chiến lược khác để kích thích hoạt động bán hàng của công ty.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài Chính, *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ*-NXB Thống kê(2008)
2. Bộ Tài Chính, *333 Sơ đồ kế toán doanh nghiệp*-NXB Tài Chính(2012)
3. PGS.TS. Võ Văn Nhi, *Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa*-NXB Thống kê (2011)
4. Trần Xuân Nam, *Kế toán tài chính*-NXB Thống kê(2010)